TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2024/DS-ST
Ngày: 18 – 9 – 2024
V/v tranh chấp về dân sự hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Liệt;

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8 và ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về dân sự hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ trụ sở: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật thứ nhất: Ông Somyot N. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật thứ hai: Ông Kanokwatpaisal N1. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thanh L, sinh năm 1990, địa chỉ: Số C, Đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Chức vụ: Nhân viên; là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 262/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị N2, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số A, khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Trần Thanh L có mặt tại phiên tòa; bà Trần Thị N2 vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2024, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay có người đại diện theo hợp pháp là bà Trần Thanh L trình bày:

Ngày 03/11/2020, Cổ phần Sawad Tiền Có Ngay và bà Trần Thị N2 ký hợp đồng cầm cố có nội dung: Bà Trần Thị N2 cầm cố cho Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S) tài sản là 01 (một) xe gắn máy hai bánh, nhãn hiệu HONDA, Loại Wave, Biển số xe 66B1-692.63, Số khung RLHJA3923LY005383, Số máy JA39E2005420, Giấy chứng nhận đăng ký số 061793 do Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/10/2020 cho bà Trần Thị N2. Số tiền cầm cố là 14.700.000 đồng. Thời hạn cầm cố là 18 tháng. Mục đích cầm cố để phục vụ tiêu dùng cá nhân. Ngày giải ngân là ngày 03/11/2020. Ngày thanh toán định kỳ là ngày 03 hàng tháng. Lãi suất cầm cố trong hạn là 1.1%/tháng và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phí thẩm định tài sản là 4,0% /tháng.

Sau khi ký hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020 thì bà N2 ký giấy mượn xe để mượn lại tài sản cầm cố phục vụ nhu cầu đi lại, thời gian mượn xe là 01 tháng từ ngày 03/11/2020 đến ngày 03/12/2020. Ngoài ra, Công ty và bà N2 còn ký phụ lục hợp đồng kèm theo. Sau khi nhận tiền và mượn tài sản cầm cố thì bà N2 không thanh toán cho Công ty các khoản tiền theo thỏa thuận.

Nay công ty Cổ phần S Có Ngay thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Trần Thị N2 trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền gốc là 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn với lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày 03/11/2020 đến ngày 03/5/2022 là 2.294.940 đồng, tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính từ ngày 04/5/2022 đến ngày 18/9/2024 là 7.017.780 đồng, tổng cộng các khoản tiền gốc và lãi là 24.660.720 đồng; yêu cầu bà Trần Thị N2 tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Công ty không yêu cầu bà N2 hoàn trả tài sản cầm cố theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe là xe gắn máy hai bánh, nhãn hiệu HONDA, Loại Wave, Biển số xe 66B1-692.63, Số khung RLHJA3923LY005383, Số máy JA39E2005420, Giấy chứng nhận đăng ký số 061793 do công an tỉnh Đ cấp ngày 27/10/2020; do đã quá thời gian cầm cố, mượn xe và bà N2 hiện đang giữ tài sản cầm cố; Công ty chỉ yêu cầu bà N2 trả cho Công ty tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn nêu trên. Công ty T trả lại cho bà N2 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 061793 do Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/10/2020 cho bà Trần Thị N2.

- Bị đơn bà Trần Thị N2: Bị đơn bà N2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai,

không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị N2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa hòa giải 02 lần, thông báo về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Trần Thị N2 vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải 02 lần và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của bà N2 đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay, buộc bà N2 chịu trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tiền gốc là 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn với lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày 03/11/2020 đến ngày 03/5/2022 là 2.294.940 đồng, tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính từ ngày 04/5/2022 đến ngày 18/9/2024 là 7.017.780 đồng, tổng cộng các khoản tiền gốc và lãi là 24.660.720 đồng; bà N2 tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Công ty có trách nhiệm trả lại cho bà N2 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 061793 do Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/10/2020 cho bà Trần Thị N2.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần S Có Ngay; Văn bản v/v xác nhận chuyển đổi loại hình của doanh nghiệp số 127/ĐKKD ngày 23/5/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N (Bản sao);

- Giấy ủy quyền số 262/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023 và Văn bản xác nhận v/v ủy quyền số 10/2024/VBXN-SVN ngày 17/5/2024 của ông Kanokwatpaisal N1 (Bản chính);

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của bà Trần Thị N2 (Bản photo, đã đối chiếu bản chính);

- Hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020; Giấy ủy quyền ngày 03/11/2020 của bà Trần Thị N2; Phiếu đăng ký cầm cố xe máy; Giấy mượn xe ngày 03/11/2020 của bà Trần Thị N2 (Bản photo, đã đối chiếu bản chính).

- Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 30/7/2024 của Công ty Cổ phần S (Bản chính);

- Văn bản xác minh v/v cư trú đối với bà Trần Thị N2 ngày 30/7/2024 của Công an thị trấn T (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020 thể hiện bên cầm cố là Công ty TNHH S1. Căn cứ Văn bản v/v xác nhận chuyển đổi loại hình của doanh nghiệp số 127/ĐKKD ngày 23/5/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N thể hiện: "*Công ty TNHH S1, mã số doanh nghiệp: 2901807716, đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần S Có Ngay. Thời điểm thực hiện: 11/10/2023*". Do đó, xác định nguyên đơn có quyền khởi kiện trong vụ án là Công ty Cổ phần S Có Ngay.

[1.2] Theo yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về dân sự hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản"*, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn bà Trần Thị N2 hiện nay cư trú tại số A, khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nên nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn bà Trần Thị N2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N2 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay xác định Công ty Cổ phần S Có Ngay chỉ yêu cầu bà Trần Thị N2 chịu trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tiền gốc là 14.700.000 đồng, tiền lãi trong hạn với lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày 03/11/2020 đến

ngày 03/5/2022 là 2.294.940 đồng, tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tính từ ngày 04/5/2022 đến ngày 18/9/2024 là 7.017.780 đồng, tổng cộng các khoản tiền gốc và lãi là 24.660.720 đồng; yêu cầu bà Trần Thị N2 tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 19/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ; nguyên đơn không yêu cầu bà N2 trả tiền quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản khi mượn xe như đã nêu tại đơn khởi kiện. Xét việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, có lợi cho bị đơn và phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về cầm cố tài sản nội dung như sau:

"*Cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ*".

Xét việc giao kết hợp đồng cầm cố giữa các đương sự và tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố: Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020, thể hiện Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S) có nhận tài sản cầm cố của bà N2 và bà N2 nhận số tiền cầm cố gốc của Công ty là 14.700.000 đồng. Nội dung Hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020 cho thấy tại thời điểm Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) và bà N2 thỏa thuận về việc cầm cố tài sản thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc cầm cố tài sản, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Như vậy, hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020 giữa các đương sự là hợp pháp.

Công ty Cổ phần S Có Ngay cam đoan chữ ký và chữ viết họ tên người người cầm cố tại Hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020 là của bà Trần Thị N2, đồng thời cam đoan bà Trần Thị N2 là người cầm cố và nhận tiền khi cầm cố với bà Trần Thị N2 là bị đơn là cùng một người, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc bà N2 đã trả xong tiền nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay, thì Công ty Cổ phần S Có Ngay chịu trách nhiệm.

Bà Trần Thị N2 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bà N2 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N2, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của bà N2.

Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau:

"*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.*

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Tại Hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020 thỏa thuận thời hạn cầm cố là 18

tháng, nên việc Công ty Cổ phần S Có Ngay xác định bà N2 chưa trả tiền và khởi kiện tại Tòa án vào tháng 6/2024 đến nay đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận, nhưng bà N2 không có trả nợ và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay, nên bà N2 đã vi phạm hợp đồng cầm cố đối với Công ty Cổ phần S Có Ngay; do đó, bà N2 có nghĩa vụ trả tiền gốc còn nợ và tiền lãi cho nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tính tiền lãi, lãi quá hạn, yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi bà N2 trả xong nợ: Căn cứ vào hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020, hai bên đã thỏa thuận lãi suất là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và không trái với quy định pháp luật nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi, tiếp tục tính lãi theo hợp đồng kể từ ngày 19/9/2024 là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Từ các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định pháp luật tại các Điều 280, Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015, có cơ sở xác định giữa Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) và bà Trần Thị N2 có giao kết hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020, bà N2 có nhận số tiền 14.700.000 đồng và có bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng tài sản là chiếc xe mô tô của bà N2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc Công ty khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 14.700.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tính tới ngày 18/9/2024 là 9.960.720 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 24.660.720 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 19/9/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố ngày 03/11/2020 là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Xét về tài sản cầm cố: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định nguyên đơn không có yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, không yêu cầu bà N2 phải giao lại tài sản cầm cố mà bà N2 đã mượn. Nguyên đơn đã giao xe cho bà N2 theo giấy mượn xe ngày 03/11/2020 và nay chỉ yêu cầu bà N2 trả tiền gốc, lãi nên nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho bà N2 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 061793 do Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/10/2020 cho bà Trần Thị N2 là phù hợp.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà Trần Thị N2 là người cao tuổi, nhưng bà N2 không có đơn đề nghị miễn án phí nộp cho Tòa án, nên bà N2 phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, 309, 310, 315 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 , điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc bà Trần Thị N2 chịu trách nhiệm trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền gốc còn nợ là 14.700.000 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng), tiền lãi là 9.960.720 đồng (Chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm hai mươi đồng), tổng cộng là 24.660.720 đồng (Hai mươi bốn triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, bảy trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà N2 còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố tài sản ngày 03/11/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho bà N2 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 061793 do Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/10/2020 cho bà Trần Thị N2.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị N2 phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.233.000 đồng (Một triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.159.000 đồng (Một triệu, một trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số 0006674 ngày 21/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/9/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang